

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN : ... AV 2 ...
LỚP : QTKD 21/1 - KHOÁ 21: CHÍNH QUY - BẠC: TCCN
Giảng viên phụ trách : ... T.sĩ.n. Thị . Danh . Đào ...

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Nguyễn Thị Thúy	An	04/10/92	7	6	6	7	6.5	sáu rưỡi
2	Vũ Thành	An	20/02/87	7	6	6	7	6.5	sáu rưỡi
3	Trương Thị Kim	Anh	08/06/92	5	6	6	7	6.5	sáu rưỡi
4	Nguyễn Thùy Như	Anh	31/10/92	4	4	4	4	4.0	bốn chẵn
5	Trần Thanh	Bi	10/11/90			0		0.0	không chẵn
6	Võ Thị Ngọc	Bích	05/07/92	5	5	5	7	6.0	sáu chẵn
7	Ngô Gia	Bình	11/08/92	4	5	5	8	6.5	sáu rưỡi
8	Trần Thảo	Chi	10/04/92			0		0.0	không chẵn
9	Lê Hồng	Chỉnh	05/03/89			0		0.0	không chẵn
10	Nguyễn Văn	Công	06/11/92			0		0.0	không chẵn
11	Nguyễn Thị	Cúc	27/05/92			0		0.0	không chẵn
12	Huỳnh Thị Kim	Cúc	12/12/91			0		0.0	không chẵn
13	Nguyễn Thị	Diễm	20/03/92	5	6	6	6	6.0	sáu chẵn
14	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	10/01/91	6	5	5	6	5.5	năm rưỡi
15	Trần Nguyễn Vĩnh	Điền	04/06/89	9	7	8	8	8.0	tám chẵn
16	Phạm Bá	Đức	09/02/88			0		0.0	không chẵn
17	Hoàng Kim	Dung	25/05/91	5	4	4	5	4.5	bốn rưỡi
18	Võ Thị Thùy	Dung	00/00/92	6	4	5	7	6.0	sáu chẵn
19	Cao Tiến	Dũng	23/09/88			0		0.0	không chẵn
20	Tạ Quốc	Duy	29/09/91	4	4	4	5	4.5	bốn rưỡi
21	Võ Thị Thu	Hà	07/10/92	2	6	5	8	6.5	sáu rưỡi
22	Đặng Thị Kim	Hằng	13/05/90			0		0.0	không chẵn
23	Nguyễn Hồng	Hào	01/04/92	3	3	3	8	5.5	năm rưỡi
24	Nguyễn Văn	Hiền	20/10/91		4	3	8	5.5	năm rưỡi
25	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	30/11/92	5	7	6	5	5.5	năm rưỡi
26	Kiang Tuấn	Hiền	25/09/91	5	3	4		2.0	hai chẵn
27	Võ Trương Thanh	Hiệp	20/05/89	8	7	7		3.5	ba rưỡi
28	Đặng Công	Hiếu	28/08/92	4	6	5	5	5.0	năm chẵn
29	Phan Lê Thị	Họa	01/04/91			0		0.0	không chẵn
30	Tô Kim	Hùng	08/05/88	6	6	6	8	7.0	bảy chẵn
31	Dịch Kim	Hùng	05/08/91	5	4	4	6	5.0	năm chẵn
32	Nguyễn Thị	Hương	12/03/91	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi
33	Dương Thị Thu	Hương	14/03/91	4	5	5	7	6.0	sáu chẵn
34	Phạm Thị Diễm	Hương	06/12/92	5	4	4	7	5.5	năm rưỡi
35	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	28/02/92	4	4	4	7	5.5	năm rưỡi
36	Đặng Thị Thúy	Kiều	06/08/92	6	5	5	8	6.5	sáu rưỡi
37	Nguyễn Thị Kim	Lâu	14/11/91	5	6	6	5	5.5	năm rưỡi
38	Đoàn Thịnh	Lợi	03/05/89	9	8	8	8	8.0	tám chẵn
39	Huỳnh Khánh	Long	23/05/89	4	4	4	8	6.0	sáu chẵn
40	Nguyễn Huỳnh Thảo	Ly	10/10/89			0		0.0	không chẵn
41	Huỳnh Thị	Ly	16/06/92	4	5	5	7	6.0	sáu chẵn

